

NGHỊ ĐỊNH
của Chính phủ số 140/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2005
Quy định về xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04 tháng 4 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; hình thức xử phạt, mức xử phạt, thẩm quyền, thủ tục xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi là những hành vi vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm và theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định này thì phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Nghị định này. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Trường hợp người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thì bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 7 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt

Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được áp dụng theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Tinh tiết tăng nặng, giảm nhẹ

Tinh tiết tăng nặng, giảm nhẹ được áp dụng trong xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 6 Nghị định

số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi là một năm, kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện. Nếu quá thời hạn trên thì không bị xử phạt, nhưng buộc phải áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

2. Đối với người bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm theo quy định của Nghị định này là hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt hành chính; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi này là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu tổ chức, cá nhân vi phạm thực hiện hành vi vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; thời hiệu xử phạt được tính lại kể từ thời điểm thực hiện hành vi vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm tổ chức, cá nhân vi phạm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 6. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, nếu quá một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết hiệu lực thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 7. Hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, tổ chức, cá nhân vi phạm bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi là 20.000.000 đồng.

Mức phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi là mức trung bình của khung phạt tiền được quy định đối với hành vi đó; mức trung bình của khung phạt tiền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 57 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 24 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Nếu vi phạm có tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 4 Nghị định này thì mức phạt tiền được giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung phạt tiền đối với hành vi vi phạm đó.

Nếu vi phạm có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 4 Nghị định này thì mức phạt tiền tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung phạt tiền đối với hành vi vi phạm đó.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính còn bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, giấy phép cho các hoạt động phải có phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, vật gây cản trở dòng chảy;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi do vi phạm hành chính gây ra.

Chương II **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH,** **HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT**

Điều 8. Vi phạm gây ảnh hưởng dòng chảy của công trình thủy lợi

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong các hành vi ngâm tre, nứa, lá, gỗ, cắm đống đó, vó bè, trồng rau, thả bèo hoặc tạo các vật cản khác gây cản trở dòng chảy.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi xả rác thải, chất thải vào công trình thủy lợi gây cản trở dòng chảy.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải tháo dỡ vật cản gây cản trở dòng chảy hoặc buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã thay đổi do vi phạm hành chính gây ra đối với vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

Điều 9. Vi phạm về bảo vệ chất lượng nước, phòng, chống ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc diện phải xin phép mà không có giấy phép;

b) Xả rác thải, chất thải vào công trình thủy lợi gây ô nhiễm nước trong công trình thủy lợi.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm nước trong công trình thủy lợi do vi phạm hành chính gây ra quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Vi phạm về vận hành công trình thủy lợi

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, nếu vi phạm thuộc công trình hồ chứa nước có dung tích từ 10.000.000m³ trở lên, đập cấp I, cấp II, trạm bơm đầu mối, kênh chính và công trình trên kênh chính của hệ thống công trình thủy lợi liên huyện, liên tỉnh; từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, nếu vi phạm thuộc các công trình thủy lợi còn lại, đối với một trong các hành vi sau đây:

1. Vận hành hoặc ra lệnh vận hành công trình thủy lợi trái với quy trình, quy phạm kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không có thẩm quyền theo quy định của pháp luật mà ép buộc người vận hành, người phụ trách phải thực hiện việc vận hành hoặc không vận hành công trình thủy lợi.

3. Không có chức năng, nhiệm vụ mà tự ý thực hiện việc vận hành công trình thủy lợi.

Điều 11. Vi phạm về sử dụng máy móc, thiết bị công trình thủy lợi

Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, nếu vi phạm thuộc công trình hồ chứa nước có dung tích từ 10.000.000m³ trở lên, đập cấp I, cấp II, trạm bơm đầu mối, kênh chính và công trình trên kênh chính của hệ thống công trình thủy lợi liên huyện, liên tỉnh; từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, nếu vi phạm thuộc các công trình thủy lợi còn lại, đối với hành vi sử dụng máy móc, thiết bị công trình thủy lợi sai nhiệm vụ được thiết kế.

Điều 12. Vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Không có biện pháp xử lý kịp thời khi phát hiện công trình bị hư hỏng, sự cố;
- b) Trồng cây lâu năm, chôn thả gia súc tập trung trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;
- c) Neo đậu tàu, thuyền, bè mảng vào cống tưới, cống tiêu, âu thuyền, trạm bơm, đập, cầu máng, xi phông.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, nếu vi phạm thuộc công trình hồ chứa nước có dung tích từ 10.000.000m³ trở lên, đập cấp I, cấp II, trạm bơm đầu mối, kênh chính và công trình trên kênh chính của hệ thống công trình thủy lợi liên huyện, liên tỉnh; từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, nếu vi phạm thuộc các công trình thủy lợi còn lại, đối với hành vi xê dịch mốc chỉ giới, biển báo các loại của công trình thủy lợi.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Nuôi trồng thủy, hải sản ở vùng nước thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi gây ảnh hưởng đến an toàn công trình;
- b) Kinh doanh dịch vụ nghỉ ngơi giải trí, du lịch, nghiên cứu khoa học gây ảnh hưởng đến an toàn công trình.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, nếu vi phạm thuộc công trình hồ chứa nước có dung tích từ 10.000.000m³ trở lên, đập cấp I, cấp II, trạm bơm đầu mối, kênh chính và công trình trên kênh chính của hệ thống công trình thủy lợi liên huyện, liên tỉnh; từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng, nếu vi phạm thuộc các công trình thủy lợi còn lại, đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Nuôi trồng thủy, hải sản trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;
- b) Khoan, đào điều tra, khảo sát địa chất; khoan, đào thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; khoan, đào thăm dò, khai thác khoáng sản trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;
- c) Khai thác đất, đá, cát, sỏi và các vật liệu xây dựng trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;
- d) Xây dựng bến bốc dỡ hàng hoá, nơi sản xuất, bãi chứa vật liệu, đổ chất phế thải trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi mà không được cấp có thẩm quyền cho phép;
- đ) Chôn phế thải, chất thải trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, nếu vi phạm thuộc công trình hồ chứa nước có dung tích từ 10.000.000m³ trở lên, đập cấp I, cấp II, trạm bơm đầu mối, kênh chính và công trình trên kênh chính của hệ thống công trình thủy lợi liên huyện, liên

tính; từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, nếu vi phạm thuộc các công trình thủy lợi còn lại, đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phá hoại vật tư, thiết bị của công trình thủy lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật;

b) Tự ý dỡ bỏ, san lấp, đào bới trái phép công trình thủy lợi;

c) Lấn chiếm đất; xây dựng trái phép nhà, lều quán, lò gạch, ngôi, lò vôi và các công trình khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, nếu vi phạm thuộc công trình hồ chứa nước có dung tích từ 10.000.000m³ trở lên, đập cấp I, cấp II, trạm bơm đầu mối, kênh chính và công trình trên kênh chính của hệ thống công trình thủy lợi liên huyện, liên tỉnh; từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, nếu vi phạm thuộc các công trình thủy lợi còn lại, đối với hành vi sử dụng chất nổ trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

7. Hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Tịch thu phương tiện đối với vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 4 Điều này;

b) Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép đối với vi phạm tại điểm d khoản 4 và điểm c khoản 5 Điều này;

c) Khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với vi phạm quy định tại khoản 2 và điểm b khoản 5 Điều này.

Điều 13. Vi phạm về điều khiển phương tiện giao thông qua công trình thủy lợi

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, nếu vi phạm thuộc công trình hồ chứa nước có dung tích từ 10.000.000m³ trở lên, đập cấp I, cấp II, trạm bơm đầu mối, kênh chính và công trình trên kênh chính của hệ thống công trình thủy lợi liên huyện, liên tỉnh; từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, nếu vi phạm thuộc các công trình thủy lợi còn lại đối với hành vi điều khiển các loại phương tiện giao thông quá mức quy định về trọng tải và tốc độ cho phép đi qua công trình thủy lợi.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, nếu vi phạm thuộc công trình hồ chứa nước có dung tích từ 10.000.000m³ trở lên, đập cấp I, cấp II, trạm bơm đầu mối, kênh chính và công trình trên kênh chính của hệ thống công trình thủy lợi liên huyện, liên tỉnh; từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng, nếu vi phạm thuộc các công trình thủy lợi còn lại đối với hành vi điều khiển các loại phương tiện giao thông đi qua công trình thủy lợi mà không được phép đi qua.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, nếu vi phạm thuộc công trình hồ chứa nước có dung tích từ 10.000.000m³ trở lên, đập cấp I, cấp II, trạm bơm đầu mối, kênh chính và công trình trên kênh chính của hệ thống công trình thủy lợi liên huyện, liên tỉnh; từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, nếu vi phạm thuộc các công trình thủy lợi còn lại, đối với hành vi điều khiển các loại phương tiện giao thông đi qua công trình thủy lợi gây hư hại công trình.

Điều 14. Vi phạm quy định của giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi và giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định trong giấy phép cấp cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi say đây:

a) Trồng cây lâu năm;

b) Xây dựng chuồng trại chăn thả gia súc, nuôi trồng thủy, hải sản;

c) Nghiên cứu khoa học.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cản trở quyền hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và quyền xả nước thải vào công trình thủy lợi hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác;

b) Không cung cấp đầy đủ, trung thực các dữ liệu, thông tin về hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và xả nước thải vào công trình thủy lợi khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;

c) Không thực hiện chế độ báo cáo về quá trình hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và xả nước thải vào công trình thủy lợi khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định trong giấy phép cấp cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi sau đây:

a) Xây dựng công trình mới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Xả nước thải vào công trình thủy lợi;

c) Khoan, đào điều tra, khảo sát địa chất; khoan, đào thăm dò, thi công công trình khai thác nước dưới đất; khoan, đào thăm dò, khai thác khoáng sản và khoan, đào thăm dò, khai thác vật liệu xây dựng;

d) Xây dựng kho, bến, bãi bốc dỡ; tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện;

đ) Chôn, lấp phế thải, chất thải;

e) Xây dựng các công trình ngầm, bao gồm: đường ống dẫn dầu, cáp điện, cáp thông tin, đường ống cấp thoát nước;

g) Kinh doanh dịch vụ giải trí, du lịch.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định trong giấy phép cấp cho hoạt động sử dụng chất nổ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: tước quyền sử dụng giấy phép đối với các vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

Điều 15. Cho mượn, cho thuê, chuyển nhượng, sửa chữa nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng đối với hành vi cho thuê, mượn giấy phép.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi chuyển nhượng giấy phép.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa nội dung giấy phép.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày đối với các vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép đối với các vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 16. Sử dụng giấy phép đã quá hạn

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và xả nước thải vào công trình thủy lợi mà giấy phép đã quá hạn dưới 30 ngày mà không nộp hồ sơ xin gia hạn theo quy định.

2. Đối với trường hợp giấy phép quá hạn từ 30 ngày trở lên thì áp dụng hình thức xử phạt như đối với trường hợp xả nước thải vào công trình thủy lợi mà không có giấy phép.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với các vi phạm quy định tại Điều này:

a) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, vật gây cản trở dòng chảy;

b) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm nước trong công trình thủy lợi do vi phạm hành chính gây ra.

Điều 17. Vi phạm về thu, nộp, sử dụng thủy lợi phí, tiền nước, phí xả nước thải vào công trình thủy lợi

Việc xử phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về thu, nộp, sử dụng thủy lợi phí, tiền nước, phí xả nước thải vào công trình thủy lợi thực hiện theo Nghị định của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 18. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi; giấy phép cho các hoạt động phải có phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức cao nhất quy định tại Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi; giấy phép cho các hoạt động phải có phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

Điều 19. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra chuyên ngành

1. Thanh tra viên chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đang thi hành nhiệm vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

2. Chánh Thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, giấy phép cho các hoạt động phải có phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

3. Chánh thanh tra chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức cao nhất quy định tại Nghị định này;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, giấy phép cho các hoạt động phải có phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

Điều 20. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội Biên phòng

Đối với công trình thủy lợi nằm tại khu vực cấm vùng biên giới thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính do Bộ đội Biên phòng thực hiện theo quy định Nghị định này và Điều 32 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 21. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

Việc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 13 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 22. Ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính

Trường hợp người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 18 và Điều 19 Nghị định này vắng mặt thì cấp phó được ủy quyền có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 23. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính

1. Thủ tục áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính

- a) Khi phát hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, người có thẩm quyền xử phạt phải ra lệnh đình chỉ ngay hành vi vi phạm, đồng thời lập biên bản về hành vi vi phạm hành chính, trừ trường hợp xử phạt theo thủ tục đơn

giản; biên bản lập theo đúng mẫu quy định của pháp luật và tiến hành xử phạt theo thẩm quyền; trường hợp hành vi vi phạm không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản phải được gửi đến người có thẩm quyền xử phạt;

b) Đối với vi phạm hành chính mà hình thức xử phạt là cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 100.000 đồng thì người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định xử phạt tại chỗ.

Quyết định xử phạt phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, nghề nghiệp, địa chỉ của cá nhân, tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm; địa điểm xảy ra vi phạm; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng. Quyết định này được giao cho tổ chức, cá nhân bị xử phạt một bản.

Trường hợp phạt tiền thì trong quyết định phải ghi rõ mức tiền phạt; cá nhân, đại diện tổ chức vi phạm có thể nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt và được nhận biên lai thu tiền phạt theo quy định.

Khi phạt tiền trên 100.000 đồng thì người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản về hành vi vi phạm hành chính. Biên bản phải được lập ít nhất hai bản, đồng thời trong biên bản ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp cá nhân, đại diện tổ chức vi phạm; ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm, các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt; tình trạng, chủng loại tang vật, phương tiện bị tạm giữ (nếu có); ký xác nhận của người chứng kiến, người bị hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại phải ghi rõ họ, tên, nghề nghiệp, địa chỉ.

c) Tổ chức, cá nhân bị phạt tiền phải nộp tiền tại Kho bạc Nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt và được nhận biên lai ghi tiền phạt, trừ trường hợp nộp tiền phạt tại chỗ;

Trong trường hợp việc xử phạt vi phạm hành chính xảy ra tại những vùng xa xôi, hẻo lánh, những vùng mà việc đi lại gặp khó khăn thì cá nhân, tổ chức bị xử phạt có thể nộp tiền phạt cho người có thẩm quyền xử phạt. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm thu tiền phạt tại chỗ và nộp cho Kho bạc Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 58 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính; cá nhân, tổ chức bị xử phạt có quyền không nộp tiền phạt nếu không có biên lai thu tiền phạt.

d) Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt. Nếu quá thời hạn trên mà tổ chức, cá nhân bị xử phạt không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 66 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

đ) Cá nhân bị phạt tiền từ 500.000 đồng trở lên có thể được hoãn chấp hành quyết định xử phạt trong trường hợp đang gặp khó khăn đặc biệt về tài chính. Thủ tục và thời gian hoãn chấp hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 65 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Thủ tục, trình tự thực quyền sử dụng giấy phép

a) Khi áp dụng hình phạt tước quyền sử dụng giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, giấy phép cho các hoạt động phải có phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, người có thẩm quyền xử phạt phải ghi trong quyết định xử phạt và thông báo ngay cho cơ quan đã cấp giấy phép đó biết;

Quyết định xử phạt phải ghi rõ tên, loại, số giấy phép, ngày cấp giấy phép; thời hạn tước quyền sử dụng.

Trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn thì khi hết thời hạn ghi trong quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt phải trả lại giấy phép đó cho tổ chức, cá nhân sử dụng.

b) Khi phát hiện giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật thì người có thẩm quyền xử phạt phải tiến hành lập biên bản và thu hồi ngay, đồng thời báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền biết.

3. Thủ tục tịch thu tang vật, phương tiện và xử lý tang vật, phương tiện

Khi áp dụng các hình thức tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt phải thực hiện theo quy định tại Điều 60 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính. Việc xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính áp dụng theo Điều 61 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 32 của Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 24. Chấp hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt

Việc chấp hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 25. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính

1. Trong trường hợp cần ngăn chặn kịp thời vi phạm hành chính hoặc để bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền quyết định việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và các biện pháp bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 43 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính hoặc bảo đảm việc xử phạt hành chính, được thực hiện theo quy định tại các Điều 44, 45, 46, 47, 48 và Điều 49 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Chương IV

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 26. Khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại về quyết định xử phạt hành chính của người có thẩm quyền.

2. Mọi công dân có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi.

3. Thẩm quyền, thủ tục, trình tự, thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

4. Việc khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi được thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

Điều 27. Xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

Việc xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 121 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 10 Nghị định 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính

Điều 28. Xử lý vi phạm đối với người bị xử phạt vi phạm hành chính

Người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi nếu có hành vi chống người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh việc chấp hành hoặc có những hành vi vi phạm khác thì căn cứ tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong đấu tranh phòng và chống vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 31. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
Phan Văn Khải